

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3080/VP-NCPC
V/v Danh mục mã ngành, lĩnh
vực thủ tục hành chính trên
hệ thống Cổng Dịch vụ công
quốc gia, Cổng dịch vụ công
và Hệ thống thông tin một
cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh

Kiên Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Giám đốc các sở;
- Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh có nhận được Quyết định số 362/QĐ-VPCP ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Danh mục mã ngành, lĩnh vực thủ tục hành chính trên hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh (kèm theo văn bản).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Vũ Hồng có ý kiến chỉ đạo như sau: Giao các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào danh mục kèm theo quyết định nêu trên của Văn phòng Chính phủ, triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đến các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố biết, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, P. NCPC;
- Lưu: VT, pvmáu.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đỗ Thị Lệ Hảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục mã ngành, lĩnh vực thủ tục hành chính trên hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục mã ngành, lĩnh vực thủ tục hành chính trên hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

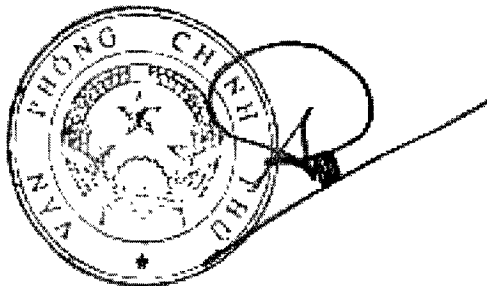
Điều 2. Cục Kiểm soát thủ tục hành chính chịu trách nhiệm áp dụng Danh mục này trong quá trình xây dựng Cổng Dịch vụ công quốc gia; hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương áp dụng Danh mục trong quá trình xây dựng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh; trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục khi có sự thay đổi về ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan, ngang Bộ.

Điều 3. Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Tổng giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Lưu: VT, KSTT (3).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Mai Tiến Dũng



DANH MỤC
MÃ NGÀNH, LĨNH VỰC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬ DỤNG
CHO CÁC HỆ THỐNG CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA, CÔNG
***DỊCH VỤ CÔNG VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA ĐIỆN TỬ**
CẤP BỘ, CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-VPCP ngày 27 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã
1.	Bộ Công an	G01
1.1	Cấp, quản lý căn cước công dân	G01-CA01
1.2	Cấp, quản lý chứng minh nhân dân	G01-CA02
1.3	Chính sách	G01-CA03
1.4	Đăng ký, quản lý con dấu	G01-CA04
1.5	Đăng ký, quản lý cư trú	G01-CA05
1.6	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ	G01-CA06
1.7	Khiếu nại, tố cáo	G01-CA07
1.8	Phòng cháy, chữa cháy	G01-CA08
1.9	Quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự	G01-CA09
1.10	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	G01-CA10
1.11	Quản lý xuất nhập cảnh	G01-CA11
1.12	Tổ chức, cán bộ	G01-CA12
2.	Bộ Công Thương	G02
2.1	An toàn thực phẩm	G02-CT01
2.2	An toàn vệ sinh lao động	G02-CT02
2.3	Công nghiệp địa phương	G02-CT03
2.4	Công nghiệp nặng	G02-CT04
2.5	Công nghiệp tiêu dùng	G02-CT05
2.6	Dầu khí	G02-CT06
2.7	Dịch vụ thương mại	G02-CT07
2.8	Điện	G02-CT08
2.9	Hóa chất	G02-CT09
2.10	Kinh doanh khí	G02-CT10
2.11	Lưu thông hàng hóa trong nước	G02-CT11
2.12	Năng lượng	G02-CT12
2.13	Phòng vệ thương mại	G02-CT13
2.14	Quản lý Cạnh tranh	G02-CT14
2.15	Sở giao dịch hàng hóa	G02-CT15
2.16	Thi đua, khen thưởng	G02-CT16
2.17	Thương mại biên giới và miền núi	G02-CT17

2.18	Thương mại điện tử	G02-CT18
2.19	Thương mại quốc tế	G02-CT19
2.20	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	G02-CT20
2.21	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	G02-CT21
2.22	Xuất nhập khẩu	G02-CT22
2.23	Xúc tiến thương mại	G02-CT23
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	G03
3.1	Cơ sở vật chất và thiết bị trường học	G03-GD01
3.2	Đào tạo với nước ngoài	G03-GD02
3.3	Giáo dục Chuyên nghiệp	G03-GD03
3.4	Giáo dục Đại học	G03-GD04
3.5	Giáo dục Dân tộc	G03-GD05
3.6	Giáo dục Mầm non	G03-GD06
3.7	Giáo dục Quốc phòng	G03-GD07
3.8	Giáo dục Thường xuyên	G03-GD08
3.9	Giáo dục Tiểu học	G03-GD09
3.10	Giáo dục Trung học	G03-GD10
3.11	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	G03-GD11
3.12	Quy chế thi, tuyển sinh	G03-GD12
3.13	Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	G03-GD13
4	Bộ Giao thông vận tải	G04
4.1	Đăng kiểm	G04-GT01
4.2	Đường bộ	G04-GT02
4.3	Đường sắt	G04-GT03
4.4	Đường thủy nội địa	G04-GT04
4.5	Hàng Hải	G04-GT05
4.6	Hàng không	G04-GT06
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	G05
5.1	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	G05-KD01
5.2	Đầu tư nước ngoài	G05-KD02
5.3	Đầu tư tại Việt nam	G05-KD03
5.4	Đầu tư từ Việt nam ra nước ngoài	G05-KD04
5.5	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	G05-KD05
5.6	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	G05-KD06
5.7	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	G05-KD07
5.8	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	G05-KD08
5.9	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	G05-KD09
5.10	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	G05-KD10
5.11	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	G05-KD11
5.12	Thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	G05-KD-12

6	Bộ Khoa học và Công nghệ	G06
6.1	An toàn bức xạ và hạt nhân	G06-KC01
6.2	Hoạt động khoa học và công nghệ	G06-KC02
6.3	Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ	
6.4	Sở hữu trí tuệ	G06-KC03
6.5	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	G06-KC04
7	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	G07
7.1	An toàn, vệ sinh lao động	G07-LĐ01
7.2	Bảo hiểm xã hội	G07-LĐ02
7.3	Bảo trợ xã hội	G07-LĐ03
7.4	Trẻ em	G07-LĐ04
7.5	Bình đẳng giới	G07-LĐ05
7.6	Giáo dục nghề nghiệp	G07-LĐ06
7.7	Lao động	G07-LĐ07
7.8	Tiền lương	G07-LĐ08
7.9	Người có công	G07-LĐ09
7.10	Phòng, chống tệ nạn xã hội	G07-LĐ10
7.11	Việc làm	G07-LĐ11
7.12	Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	G07-LĐ12
8	Bộ Ngoại giao	G08
8.1	Báo chí	G08-NG01
8.2	Cấp hộ chiếu, giấy thông hành, công hàm đề nghị cấp thị thực	G08-NG02
8.3	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự	G08-NG03
8.4	Công chứng, chứng thực	G08-NG04
8.5	Cấp thị thực, gia hạn tạm trú	G08-NG05
8.6	Đăng ký công dân	G08-NG06
8.7	Hộ tịch	G08-NG07
8.8	Hoạt động của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu song phương	G08-NG08
8.9	Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài	G08-NG09
8.10	Hồi hương	G08-NG10
8.11	Quốc tịch	G08-NG11
8.12	Miễn thị thực	G08-NG12
9	Bộ Nội vụ	G09
9.1	Cải cách hành chính	G09-NV01
9.2	Chính quyền địa phương	G09-NV02
9.3	Công chức, viên chức	G09-NV03
9.4	Công tác thanh niên	G09-NV04
9.5	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức	G09-NV05
9.6	Hợp tác quốc tế	G09-NV06
9.7	Thanh tra Bộ	G09-NV07

9.8	Thi đua - khen thưởng	G09-NV08
9.9	Tiền lương	G09-NV09
9.10	Tổ chức cán bộ	G09-NV10
9.11	Tổ chức phi chính phủ	G09-NV11
9.12	Tổ chức - Biên chế	G09-NV12
9.13	Tôn giáo Chính phủ	G09-NV13
9.14	Tổng hợp	G09-NV14
9.15	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	G09-NV15
9.16	Pháp chế	G09-NV16
9.17	Kế hoạch - Tài chính	G09-NV17
9.18	Văn phòng	G09-NV18
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	G10
10.1	Bảo vệ thực vật	G10-NN01
10.2	Chăn nuôi	G10-NN02
10.3	Chế biến và phát triển thị trường Nông sản	G10-NN03
10.4	Hợp tác quốc tế	G10-NN04
10.5	Khoa học, Công nghệ và Môi trường	G10-NN05
10.6	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	G10-NN06
10.7	Lâm nghiệp	G10-NN07
10.8	Phòng, chống thiên tai	G10-NN08
10.9	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	G10-NN09
10.10	Quản lý doanh nghiệp	G10-NN10
10.11	Quản lý xây dựng công trình	G10-NN11
10.12	Thú y	G10-NN12
10.13	Thủy lợi	G10-NN13
10.14	Thủy sản	G10-NN14
10.15	Trồng trọt	G10-NN15
11	Bộ Quốc phòng	G11
11.1	Bảo hiểm xã hội	G11-QP01
11.2	Bảo hiểm y tế	G11-QP02
11.3	Chính sách	G11-QP03
11.4	Chứng thực điện tử	G11-QP04
11.5	Cơ yếu	G11-QP05
11.6	Dân quân tự vệ	G11-QP06
11.7	Động viên quân đội	G11-QP07
11.8	Khám bệnh, chữa bệnh	G11-QP08
11.9	Kiểm định an toàn lao động	G11-QP09
11.10	Nghĩa vụ quân sự	G11-QP10
11.11	Quản lý biên giới	G11-QP11
11.12	Quản lý vùng trời	G11-QP12
11.13	Tuyển sinh quân sự	G11-QP13
11.14	Xe - Máy	G11-QP14
11.15	Quản lý công nghệ thông tin	G11-QP15

11.16	Đối ngoại quốc phòng	G11-QP16
11.17	Báo chí	G11-QP17
11.18	Khiếu nại, tố cáo	G11-QP18
11.19	Giao thông (bao gồm đường bộ, đường thủy, hàng không)	G11-QP19
11.20	Khen thưởng	G11-QP20
12	Bộ Tài chính	G12
12.1	Chính sách Thuế	G12-TC01
12.2	Chứng khoán	G12-TC02
12.3	Đầu tư	G12-TC03
12.4	Hải quan	G12-TC04
12.5	Kế hoạch - tài chính	G12-TC05
12.6	Kế toán, kiểm toán	G12-TC06
12.7	Kho bạc	G12-TC07
12.8	Ngân sách Nhà nước	G12-TC08
12.9	Quản lý công sản	G12-TC09
12.10	Dự trữ	G12-TC10
12.11	Quản lý giá	G12-TC11
12.12	Quản lý nợ	G12-TC12
12.13	Thi đua - khen thưởng	G12-TC13
12.14	Bảo hiểm	G12-TC14
12.15	Tài chính doanh nghiệp	G12-TC15
12.16	Hành chính sự nghiệp	G12-TC16
12.17	Tài chính ngân hàng	G12-TC17
12.18	Thuế	G12-TC18
12.19	Tin học - Thống kê	G12-TC19
12.20	Quốc phòng, an ninh	G12-TC20
12.21	Hợp tác quốc tế	G12-TC21
12.22	Tổ chức cán bộ	G12-TC22
12.23	Thanh tra	G12-TC23
12.24	Pháp chế	G12-TC24
12.25	Văn phòng	G12-TC25
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	G13
13.1	Biển và hải đảo	G13-TN01
13.2	Đất đai	G13-TN02
13.3	Địa chất và khoáng sản	G13-TN03
13.4	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	G13-TN04
13.5	Hợp tác quốc tế	G13-TN05
13.6	Khí tượng, thủy văn	G13-TN06
13.7	Biến đổi khí hậu	G13-TN07
13.8	Khoa học công nghệ	G13-TN08
13.9	Môi trường	G13-TN09
13.10	Tài nguyên nước	G13-TN10

13.11	Tổng hợp	G13-TN11
13.12	Viễn thám	G13-TN12
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	G14
14.1	An toàn thông tin	G14-TT01
14.2	Báo chí	G14-TT02
14.3	Bưu chính	G14-TT03
14.4	Công nghệ thông tin, điện tử	G14-TT04
14.5	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	G14-TT05
14.6	Quản lý doanh nghiệp	G14-TT06
14.7	Tần số vô tuyến điện	G14-TT07
14.8	Thông tin cơ sở	G14-TT08
14.9	Thông tin đối ngoại	G14-TT09
14.10	Viễn thông và Internet	G14-TT10
14.11	Xuất Bản, In và Phát hành	G14-TT11
15	Bộ Tư pháp	G15
15.1	Bán đấu giá tài sản	G15-TP01
15.2	Bồi thường nhà nước	G15-TP02
15.3	Chứng thực	G15-TP03
15.4	Công chứng	G15-TP04
15.5	Đăng ký biện pháp bảo đảm	G15-TP05
15.6	Giám định tư pháp	G15-TP06
15.7	Hộ tịch	G15-TP07
15.8	Hòa giải thương mại	G15-TP08
15.9	Luật sư	G15-TP09
15.10	Lý lịch tư pháp	G15-TP10
15.11	Nuôi con nuôi	G15-TP11
15.12	Phổ biến giáo dục pháp luật	G15-TP12
15.13	Quản tài viên	G15-TP13
15.14	Quốc tịch	G15-TP14
15.15	Thi hành án dân sự	G15-TP15
15.16	Trợ giúp pháp lý	G15-TP16
15.17	Trọng tài thương mại	G15-TP17
15.18	Tư vấn pháp luật	G15-TP18
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	G16
16.1	Bản quyền tác giả	G16-VH01
16.2	Di sản văn hóa	G16-VH02
16.3	Điện ảnh	G16-VH03
16.4	Gia đình	G16-VH04
16.5	Lữ hành	G16-VH05
16.6	Khách sạn	G16-VH06
16.7	Karaoke, Vũ trường	G16-VH07
16.8	Văn hóa cơ sở	G16-VH08
16.9	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	G16-VH09

16.10	Nghệ thuật biểu diễn	G16-VH10
16.11	Thư viện	G16-VH11
16.12	Quảng cáo	G16-VH12
16.13	Văn hóa dân tộc	G16-VH13
16.14	Thể dục thể thao	G16-VH14
16.15	Thi đua – Khen thưởng	G16-VH15
16.16	Hợp tác quốc tế	G16-VH16
17	Bộ Xây dựng	G17
17.1	Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	G17-XD01
17.2	Hạ tầng kỹ thuật	G17-XD02
17.3	Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao	G17-XD03
17.4	Hợp tác quốc tế	G17-XD04
17.5	Khoa học công nghệ và môi trường	G17-XD05
17.6	Kinh doanh bất động sản	G17-XD06
17.7	Kinh tế xây dựng	G17-XD07
17.8	Nhà ở và công sở	G17-XD08
17.9	Phát triển đô thị	G17-XD09
17.10	Quản lý doanh nghiệp	G17-XD10
17.11	Quản lý hoạt động xây dựng	G17-XD11
17.12	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	G17-XD12
17.13	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	G17-XD13
17.14	Vật liệu xây dựng	G17-XD14
17.15	Xây dựng	G17-XD15
18	Bộ Y tế	G18
18.1	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	G18-YT01
18.2	Dân số	G18-YT02
18.3	Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Công nghệ thông tin	G18-YT03
18.4	Dược phẩm	G18-YT04
18.5	Giám định y khoa	G18-YT05
18.6	Hợp tác quốc tế	G18-YT06
18.7	Khám bệnh, chữa bệnh	G18-YT07
18.8	Mỹ phẩm	G18-YT08
18.9	Tài chính y tế	G18-YT09
18.10	Tổ chức cán bộ	G18-YT10
18.11	Trang thiết bị và công trình y tế	G18-YT11
18.12	Y tế Dự phòng	G18-YT12
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	G19
19.1	Thành lập và hoạt động ngân hàng	G19-NH01
19.2	Hoạt động tín dụng	G19-NH02
19.3	Hoạt động thanh toán	G19-NH03
19.4	Hoạt động tiền tệ	G19-NH04

19.5	Hoạt động ngoại hối	G19-NH05
19.6	Hoạt động kho quỹ	G19-NH06
19.7	Hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	G19-NH07
19.8	Hoạt động tín dụng	G19-NH08
19.9	Hoạt động khác	G19-NH09
20	Thanh tra Chính phủ	G20
20.1	Phòng, chống tham nhũng	G20-TH01
20.2	Giải quyết khiếu nại	G20-TH02
20.3	Giải quyết tố cáo	G20-TH03
20.4	Tiếp công dân	G20-TH04
20.5	Xử lý đơn thư	G20-TH05
21	Ủy ban Dân tộc	G21
21.1	Công tác dân tộc	G21-UB01